

CURRENT STATUS OF TEACHING CONTENT "INTRODUCTION TO TRADITIONAL CRAFTS" IN EXPERIENTIAL ACTIVITIES GRADE 4 IN HO CHI MINH CITY

Tran Thi Phuong Dung¹, Le Thi Hong Nhung¹, Luu Tang Phuc Khang^{2*}

¹Ho Chi Minh city University of Education

²Vietnam Australian International School

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	23/4/2024	The process of industrialization and modernization has been posing many challenges for traditional industries in Vietnam. At the same time, a new point in the 2018 General Education program focuses on integrating national cultural education content into Social Science subjects and experiential activities. This study uses a questionnaire survey to explore the current status of cultural value education through traditional occupations in the 4th-grade Experiential Activities subject. Survey results of 94 teachers and administrators showed that most teachers had a correct awareness of the goals and importance of cultural value education through assessing the necessity and level of application used at a high level. At the same time, teachers prioritize using familiar and easy-to-implement techniques such as questions and answers, visualization,... in teaching. At the same time, advantage factors are goals, programs, content, professional direction and facilities to serve teaching activities. Difficulties in implementing content include limited research capacity, lesson design, preparation and organization of learning activities for students due to professional reference sources.
Revised:	08/8/2024	
Published:	08/8/2024	
KEYWORDS		
Cultural value		
Experimental activities		
Grade 4		
Traditional craft		
Status		

THỰC TRẠNG DẠY HỌC NỘI DUNG “GIỚI THIỆU CÁC NGÀNH NGHỀ TRUYỀN THỐNG” TRONG HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 4 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Phương Dung¹, Lê Thị Hồng Nhung¹, Lưu Tăng Phúc Khang^{2*}

¹Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh

²Trường TiH, THCS, THPT Việt Úc

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	23/4/2024	Quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá đã và đang đặt ra nhiều thách thức cho các ngành nghề truyền thống tại Việt Nam. Đồng thời, điểm mới trong chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chú trọng tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục văn hoá dân tộc vào trong các môn học Khoa học xã hội, Hoạt động trải nghiệm. Nghiên cứu này tìm hiểu thực trạng giáo dục giá trị văn hóa thông qua các ngành nghề truyền thống trong môn Hoạt động trải nghiệm lớp 4 thông qua khảo sát bằng bảng hỏi. Kết quả khảo sát 94 giáo viên, cán bộ quản lý cho thấy đa số giáo viên đã có nhận thức đúng về mục tiêu, tầm quan trọng của việc giáo dục giá trị văn hóa thông qua đánh giá mức độ cần thiết và mức độ áp dụng ở mức cao. Song song đó, giáo viên ưu tiên sử dụng các kỹ thuật quen thuộc và dễ thực hiện như vấn đáp, trực quan,... trong dạy học. Song song đó, các yếu tố thuận lợi là mục tiêu, chương trình, nội dung, chỉ đạo chuyên môn và cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học. Các khó khăn trong quá trình triển khai nội dung bao gồm năng lực nghiên cứu, thiết kế bài dạy, công tác chuẩn bị và tổ chức hoạt động học tập cho học sinh bị hạn chế bởi nguồn tài liệu tham khảo chuyên môn.
Ngày hoàn thiện:	08/8/2024	
Ngày đăng:	08/8/2024	
TỪ KHÓA		
Giá trị văn hóa		
Hoạt động trải nghiệm		
Lớp 4		
Nghề truyền thống		
Thực trạng		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10202>

* Corresponding author. Email: ltphkcmue@gmail.com

1. Giới thiệu

Ngành nghề truyền thống (NGTT) là loại hình sản xuất có mặt hầu hết ở mọi địa phương và đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Theo đó, sự xuất hiện của các ngành nghề truyền thống giúp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc làm cho người lao động, giúp tạo việc làm [1], tăng thu nhập ở nông thôn [2] và đặc biệt là góp phần thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại [3] với sản phẩm mũi nhọn là các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, chế biến nông sản [4]. Đây cũng là một trong những nội dung định hướng phát triển kinh tế nông thôn do Đại hội IX đề ra: “*mở mang các làng nghề, phát triển các điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ*” [4]. Các ngành nghề đang đối diện với không ít khó khăn trong việc giữ gìn và phát triển ngành nghề truyền thống [5]. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã giúp nước ta phát triển kinh tế hơn, sức cạnh tranh ngày càng cao hơn, các ngành nghề nước ta đang đứng trước những nguy cơ khó khăn và thách thức ngày càng cao hơn trong thị trường, do đó không ít ngành nghề đã biến mất hoặc có ngành nghề đang đứng trước nguy cơ dần mai một [5], [6]. Thế hệ trẻ hiện nay thiếu hiểu biết và có thái độ thờ ơ các ngành nghề truyền thống. Đồng thời, trong hoạt động giáo dục còn nhiều hạn chế khi triển khai các công trình nghiên cứu chuyên sâu về các giá trị và phương thức giúp học sinh (HS) tiếp cận được với những NGTT ở Việt Nam.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển nghề truyền thống trong hoạt động giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) đã chú trọng giáo dục (GD) truyền thống lịch sử văn hóa dân tộc cho HS và coi đó là nhiệm vụ chung của tất cả các môn học [7], [8]. Trong những năm gần đây, Bộ GD-ĐT đã chú trọng giáo dục truyền thống để định hướng đến cho HS tiểu học (TH) theo chương trình Giáo dục phổ thông (CT GDPT) 2018 đã tích hợp, lồng ghép nội dung GD nghề nghiệp, GD văn hóa dân tộc vào trong các môn học Khoa học xã hội, đặc biệt là Hoạt động trải nghiệm (HĐTN) [9], [10]. Đây được xem là điểm mới và quan trọng trong CT nhằm góp phần nâng cao nhận thức của HS về NGTT của dân tộc, từ đó giúp HS có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc. Có thể thấy rằng việc triển khai nội dung dạy học các NGTT tại các trường TH không những góp phần thực hiện tốt định hướng mới trong CT mà đồng thời làm tăng sự kết nối giữa nhà trường và xã hội. Mặt khác, việc triển khai dạy học lồng ghép các nội dung dạy học GD truyền thống nói chung và GD NGTT nói riêng cũng tác động tích cực đến định hướng nghề nghiệp cho HS, giúp HS khơi gợi niềm đam mê yêu thích và tìm tòi các kiến thức liên quan [11]. Tuy nhiên, các nghiên cứu về dạy học nội dung này còn hạn chế. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích đánh giá thực trạng giáo dục giá trị văn hóa cho học sinh tiểu học trong việc dạy học các ngành nghề truyền thống trong chương trình HĐTN lớp 4.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc khảo sát nhằm đánh giá thực trạng dạy học về các NGTT và nhận thức của GV về vai trò và ý nghĩa của giáo dục các NGTT trong môn HĐTN lớp 4 của các trường TH tại thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Nội dung khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Tiến hành thu thập dữ liệu ở 94 GV, CBQL khối lớp 4 tại các trường tiểu học trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh để xử lý dữ liệu định lượng. Nội dung phiếu hỏi về thực trạng dạy học và nhận thức của GV về vai trò và ý nghĩa GD các NGTT đối với việc giáo dục giá trị văn hóa cho HS trong môn HĐTN 4. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu được trình bày tại Bảng 1. Nghiên cứu sử dụng phương pháp xác định chất lượng ý kiến đánh giá bằng thang độ Likert [12].

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu khảo sát

	Đặc điểm	Cỡ mẫu (n)	Tỉ lệ (%)
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	46	48,9
	5-10 năm	8	8,5
	10-15 năm	7	7,4
	Trên 15 năm	33	35,1
Chức vụ	Hiệu trưởng	1	1,1
	Phó hiệu trưởng	1	1,1
	Tổ trưởng chuyên môn	12	12,8
	Giáo viên	80	85,1
Trình độ đào tạo	Cao đẳng	11	11,7
	Đại học	79	84,0
	Sau đại học	4	4,3
	Khác	0	0,0

2.3. Xử lý số liệu

Các số liệu sau khi thập số liệu sẽ được mã hóa bằng phần mềm Excel. Đồng thời, tất cả các số liệu thu được được xử lý thống kê tần suất thông qua phần mềm SPSS phiên bản 26.0 dành cho Windows.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Mức độ cần thiết và mức độ áp dụng của việc dạy học “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống Việt Nam”

Kết quả khảo sát GV về mức độ cần thiết và mức độ áp dụng của việc dạy học “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Mức độ cần thiết và mức độ áp dụng dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống” trong Hoạt động trải nghiệm 4

Biến quan sát	Tỉ lệ (%) mức độ đánh giá				
	1	2	3	4	5
Mức độ cần thiết ^(a)	0,0	5,30	9,60	28,50	26,60
Mức độ áp dụng ^(b)	4,3	23,4	22,3	24,5	25,5

Chú thích: (a) 1: không cần thiết, 2: ít cần thiết, 3: bình thường, 4: cần thiết, 5: rất cần thiết, (b) 1: không bao giờ; 2: hiếm khi; (3) thỉnh thoảng, (4) thường xuyên, (5) luôn luôn

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn GV cho rằng việc dạy học “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” là cần thiết (58,5%) và rất cần thiết (26,6%). Bên cạnh đó vẫn có những sự lựa chọn trung lập (9,6%) và ít cần thiết (5,3%). Điều này chứng tỏ GV đã có sự quan tâm đối với việc dạy học GD giá trị văn hóa qua ngành nghề truyền thống. Đây là cơ sở thuận lợi để triển khai các nội dung, phương tiện dạy học liên quan đến ngành nghề truyền thống ở Việt Nam nhằm giúp HS học tập tốt, có ý thức, trách nhiệm yêu nước.

Đồng thời, kết quả ở Bảng 2 cho thấy, 95,7% GV đã tiếp cận và áp dụng dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” trong HĐTN lớp 4, có 25,5% GV áp dụng dạy học giới thiệu các NGTT Việt Nam rất nhiều và 24,5% GV áp dụng nhiều. Bên cạnh đó, có 22,3% GV thường xuyên áp dụng dạy học nội dung này và 23,4% GV thỉnh thoảng áp dụng. Ngoài ra, có 4,3% GV chưa bao giờ áp dụng. Như vậy, có thể thấy việc dạy học nội dung này trong HĐTN lớp 4 đã được áp dụng tương đối thường xuyên nhưng vẫn còn một số ít trường hợp chưa bao giờ áp dụng.

3.2. Phương pháp dạy học GV sử dụng trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống Việt Nam”

Kết quả khảo sát GV về phương pháp dạy học mà GV sử dụng trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” được trình bày tại Bảng 3.

Bảng 3. Các phương pháp dạy học GV áp dụng dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống” trong Hoạt động trải nghiệm 4

Phương pháp dạy học	Tỉ lệ (%) sử dụng
Bàn tay nặn bột	5,2
Dạy học dự án	11,0
Dạy học hợp tác	12,5
Dạy học tìm tòi khám phá	13,6
Dạy học giải quyết vấn đề	12,5
Dạy học thực hành - thí nghiệm	7,6
Dạy học theo góc	5,1
Dạy học tình huống	9,9
Dạy học trực quan	13,0
Dạy học vấn đáp	8,5

Kết quả từ Bảng 3 cho thấy có nhiều phương pháp được GV sử dụng trong dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam”, nhưng chủ yếu là phương pháp dạy học tìm tòi khám phá (13,6%), phương pháp dạy học trực quan (13%), phương pháp hợp tác (12,5%) và phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề (12,5%). Tiếp đó là phương pháp dạy học dự án (11%), phương pháp dạy học tình huống (9,9%), phương pháp vấn đáp (8,5%), dạy học thực hành- thí nghiệm (7,6%). Còn có một số phương pháp ít được sử dụng hơn như phương pháp bàn tay nặn bột (6,2%), phương pháp dạy học theo góc (5,1%).

3.3. Kỹ thuật dạy học GV sử dụng trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống Việt Nam”

Kết quả khảo sát GV về kỹ thuật dạy học mà GV sử dụng trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” được trình bày tại Bảng 4.

Bảng 4. Các kỹ thuật dạy học GV áp dụng dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống” trong Hoạt động trải nghiệm 4

Phương pháp dạy học	Tỉ lệ (%) sử dụng
Bể cá	3,1
Mảnh ghép	19,1
Đóng vai	16,7
Công não	15,6
Khăn trải bàn	13,9
KWL	6,9
Sơ đồ tư duy	14,9
Trạm	5,2
XYZ	4,5

Bên cạnh những phương pháp dạy học thì GV cũng áp dụng các kỹ thuật dạy học khi tổ chức dạy học nội dung giới thiệu các NGTT Việt Nam nhằm GD giá trị văn hóa cho HS TH khá thường xuyên. Cụ thể, các kỹ thuật như “mảnh ghép”, “đóng vai”, “động não” và “sơ đồ tư duy” được GV sử dụng nhiều với tỉ lệ lần lượt 19,1%, 16,7%, 15,6%, 14,9%. Điều đó cho thấy sự thuận tiện, mức độ áp dụng các kỹ thuật dạy học này không mất nhiều thời gian công sức, mang lại tính hiệu quả trong tiết học mà GV đã sử dụng. Bên cạnh đó, các kỹ thuật “bể cá”, “XYZ”, “theo trạm”, “KWL” không được GV áp dụng một cách thường xuyên với tỉ lệ lần lượt 3,1%, 4,5%, 5,2%, 6,9%.

3.4. Phương tiện dạy học GV sử dụng trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống Việt Nam”

Kết quả khảo sát GV về phương tiện dạy học mà GV sử dụng trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” được trình bày tại Bảng 5.

Bảng 5. Các phương pháp tiện học GV sử dụng trong dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống” trong Hoạt động trải nghiệm 4

Phương tiện dạy học	Tỉ lệ (%) sử dụng
Sách giáo khoa	7,9
Vật thật, mẫu thật	10,2
Bảng số liệu	6,6
Phim tài liệu	11,7
Mô hình	9,8
Tranh ảnh	12,8
Bài giảng điện tử	14,7
Video	13,0
Bản đồ, lược đồ	5,8
Infographic	7,5

Kết quả khảo sát cho thấy tất cả các phương tiện dạy học đều được GV áp dụng khi tổ chức dạy học nội dung trên. Trong đó, “bài giảng điện tử” được giáo viên sử dụng nhiều nhất với 14,7%, cho thấy tính thuận tiện, phổ biến khi tổ chức các tiết học trong lớp. Tuy nhiên, “bản đồ, lược đồ” được giáo viên sử dụng ít với 5,8%. Song, việc GV chưa chú trọng nhiều Infographic (7,5%) trong dạy học, cũng cho thấy GV chưa mạnh dạn áp dụng phương tiện này, các tiết học chưa có sự đa dạng phong phú các phương tiện dạy học. Tiếp theo, để lấy ý kiến của GV về mức độ hiệu quả trong việc sử dụng các phương pháp trong dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT”, khảo sát được thực hiện và kết quả thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 6. Mức độ cần thiết và mức độ áp dụng dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống” trong Hoạt động trải nghiệm 4

Biến quan sát	Tỉ lệ (%) mức độ đánh giá				
	1	2	3	4	5
Mức độ hiệu quả ^(a)	0,0	13,8	50,0	23,4	12,8

Chú thích: (a) 1: không hiệu quả, 2: ít hiệu quả, 3: bình thường, 4: hiệu quả, 5: rất hiệu quả

Kết quả Bảng 6 cho thấy mức độ hiệu quả khi sử dụng những phương pháp dạy học mà GV đã sử dụng để dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” phần lớn là hiệu quả (50%) hiệu quả cao (23,4%) và rất hiệu quả (12,8%) được đa số các GV đồng thuận với (86,2%). Ngoài ra, có ít hiệu quả (13,8%) ở một số ít trường hợp và không có trường hợp không hiệu quả. Nhìn chung, các phương pháp sử dụng trong việc dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” đã đạt được hiệu quả nhưng vẫn còn một số trường hợp ít hiệu quả. Do đó, việc lựa chọn nội dung và phương tiện để áp dụng dạy học nội dung này là một trong những yếu tố cần được đánh giá và lựa chọn kĩ lưỡng để triển khai trong dạy học. Song, GV cần xem xét đến nhiều yếu tố tác động đến quá trình dạy học để đảm bảo việc vận dụng các phương pháp có thể đem lại hiệu quả tốt nhất.

3.5. Yếu tố thuận lợi quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống Việt Nam”

Kết quả khảo sát GV các yếu tố thuận lợi trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” được trình bày tại Bảng 7.

Bảng 7. Các yếu tố thuận lợi trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống” trong Hoạt động trải nghiệm 4

Phương tiện dạy học	Tỉ lệ (%) sử dụng
Hoạt động dạy học về các NGTT Việt Nam là một hoạt động quan trọng trong hoạt động GD của nhà trường nên giáo viên dễ thiết kế và tổ chức dạy học	36,8
“Đối tượng học tập của dạy học về các NGTT Việt Nam rất phù hợp, gần gũi với HS	29,4
Sử dụng các phương tiện dạy học hỗ trợ trong dạy học về các NGTT Việt Nam là rất phù hợp	22,4
Đặc điểm nhận thức, tâm sinh lí của HS TH đáp ứng tốt các yêu cầu của hoạt động dạy học về các NGTT Việt Nam	11,4

Kết quả Bảng 7 cho thấy thuận lợi lớn nhất trong việc triển khai hoạt động dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” nhằm GD giá trị văn hóa cho HS TH là yếu tố “Hoạt động dạy học về các NGTT Việt Nam là một hoạt động quan trọng trong hoạt động GD của nhà trường nên giáo viên dễ thiết kế và tổ chức dạy học” (36,8%), tiếp đó là yếu tố “Đối tượng học tập của dạy học về các NGTT Việt Nam rất phù hợp, gần gũi với HS” (29,4%), yếu tố “Sử dụng các phương tiện dạy học hỗ trợ trong dạy học về các NGTT Việt Nam là rất phù hợp” (22,4%) và yếu tố “Đặc điểm nhận thức, tâm sinh lí của HS TH đáp ứng tốt các yêu cầu của hoạt động dạy học về các NGTT Việt Nam” (11,4%).

3.6. Các khó khăn trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống Việt Nam”

Kết quả khảo sát GV các khó khăn trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” được trình bày tại Bảng 8.

Bảng 8. Các yếu tố khó khăn trong quá trình dạy học nội dung “Giới thiệu các ngành nghề truyền thống” trong Hoạt động trải nghiệm 4

Phương tiện dạy học	Tỉ lệ (%) sử dụng
Vốn kinh nghiệm, hiểu biết, kỹ năng của HS đối với nội dung bài học còn hạn chế.	28,6
GV chưa nắm rõ quy trình, cách thức thiết kế hoạt động dạy học về các NGTT Việt Nam cho HS TH.	21,1
GV chưa nắm rõ nội dung hoạt động dạy học về các NGTT Việt Nam cho HS TH.	17,6
Việc đảm bảo thời lượng dạy học.	11,9
Hình thức tổ chức (lớp học, nhóm,...) còn hạn chế.	7,5
Việc quản lý HS khi tham gia hoạt động.	6,6
Phương tiện dạy học còn hạn chế.	6,6

Kết quả từ khảo sát chỉ ra vấn đề về vốn kinh nghiệm, hiểu biết của HS đối với nội dung bài học còn hạn chế (28,6%), khó khăn trong việc chưa nắm rõ quy trình, cách thức thiết kế hoạt động dạy học (21,1%), khó khăn về nội dung hoạt động dạy học (17,6%). Khó khăn tiếp theo là việc đảm bảo thời lượng dạy học (11,9%), GV gặp khó khăn trong hình thức tổ chức (7,5%), GV chưa nắm rõ nội dung về hoạt động dạy học (8,3%) và gặp khó khăn trong hình thức tổ chức lớp học (7,2%), GV gặp khó khăn trong việc quản lý HS (6,6%) và phương tiện dạy học (6,6%).

Qua đó, có thể nhận thấy rằng để giải quyết được các khó khăn trên thì cần cho HS được học trải nghiệm ở nhiều hình thức để HS có thêm kinh nghiệm, kỹ năng về bài học. Cần có nguồn tài liệu tham khảo về cách thức, quy trình tổ chức và thiết kế hoạt động dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” giúp GV tự tin hơn trong việc áp dụng hoạt động dạy học nội dung này.

4. Kết luận

GV cho rằng việc dạy học “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” là rất cần thiết và đa số GV đã tiếp cận và áp dụng dạy học nội dung “Giới thiệu các NGTT Việt Nam” trong HĐTN lớp 4. GV sử dụng đa dạng phương pháp dạy học nội dung này. Đối với các kĩ thuật dạy học, GV chủ yếu áp dụng các kĩ thuật như mảnh ghép, đóng vai, động não và “sơ đồ tư duy”. Bài giảng điện tử là phương tiện dạy học chủ yếu của GV. Yếu tố thuận lợi nhất trong việc triển khai hoạt động là “Giới thiệu các NGTT là một hoạt động quan trọng trong hoạt động GD của nhà trường nên giáo viên dễ thiết kế và tổ chức dạy học”. Bên cạnh đó vẫn còn một số khó khăn như vốn kinh nghiệm, hiểu biết của HS, GV chưa nắm rõ quy trình, cách thức thiết kế hoạt động dạy học.

Do đó, để phát huy hiệu quả, cần có sự quan tâm, đầu tư từ phía nhà trường, các cơ quan quản lý giáo dục và chính bản thân giáo viên. Cần xây dựng kho tài liệu tham khảo (infographic, video, tranh,...), quy trình hướng dẫn sử dụng các nguồn tài liệu tham khảo phù hợp với nội dung học tập nhằm đạt hiệu quả cao trong việc giáo dục giá trị truyền thống cho HS TH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Y. Feng, Y. W. Chin, and H. S. Boo, "A comprehensive analysis of internal and external factors influencing the reemployment of elite older workers in Hebei, China," *Journal of Population Ageing*, vol. 3, pp. 1-21, 2024.
- [2] T. Wanniarachchi, K. Dissanayake, and C. Downs, "Improving sustainability and encouraging innovation in traditional craft sectors: the case of the Sri Lankan handloom industry," *Research Journal of Textile and Apparel*, vol. 24, no. 2, pp. 111-130, 2020.
- [3] X. Gu and M. Lu, "Re-negotiating national identity through Chinese fashion," *Fashion Theory*, vol. 25, no. 7, pp. 901-915, 2021.
- [4] M. D. Curkovic, "The role of the traditional crafts as intangible heritage on the global tourist market," In *SHS Web of Conferences*, EDP Sciences, vol. 92, p. 06005, 2021.
- [4] T. H. P. Ninh, "Developing traditional craft villages in a sustainable direction in Y Yen district, Nam Dinh province," Master Thesis, University of Economics and Business - Vietnam National University, 2015.
- [5] V. H. Phan, K. P. H. Nhieu, C. D. Nguyen, L. H. Nguyen, N. Q. A. Le, and N. S. T. Tran, "Developing handicrafts in the traditional craft villages of Thua Thien Hue province," *Hue University Journal of Science*, vol. 131, no. 5A, pp. 95-110, 2021.
- [6] Y. Xu and Y. Tao, "Cultural impacts of state interventions: Traditional craftsmanship in China's porcelain capital in the mid to late 20th century," *International Journal of Intangible Heritage*, vol. 17, pp. 214-231, 2022.
- [7] T. C. Nguyen and T. H. Bui, "Organizing extracurricular activities with local cultural heritage in teaching 10th grade History in Nam Dinh province," *Vietnam Journal of Education*, vol. 24, no. 8, pp. 6-10, 2024.
- [8] T. T. T. Ho, M. H. Nguyen, T. K. U. Phan, N. A. D. Tran, and T. P. Y. Ho, "Assess the current situation and propose measures to approach local history through cultural heritage for high school students in Ben Tre province," *Vietnam Journal of Education*, vol. 24, no. 4, pp. 47-52, 2024.
- [9] T. T. H. Doan and T. H. Vo, "Some solutions for educating cultural values for primary school students in the new period," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 18, no. 4, pp. 55-61, 2022.
- [10] Ministry of Education and Training, *General Education Program - Overall program (issued together with Circular No. 32/2018/TT-BGDDT dated December 26, 2018 of the Minister of Education and Training)*, 2018a.
- [11] I. V. Lovtsova, L. A. Burovkina, and A. S. Sheshko, "Preservation of the intangible cultural heritage through the implementation of additional general education programs in the field of fine arts," *Revista Tempos e Espaços em Educação*, vol. 14, no. 33, pp. 1-12, 2021.
- [12] T. Hoang and N. M. N. Chu, *Analyze research data with SPSS*. Hong Duc Publishing House, 2008.